

- Lê Ngọc Thăng - luận văn phó tiến sĩ về nghệ thuật trang phục và các bài viết về lĩnh vực này (1).

- Hoàng Nam - sách nghiên cứu về nhà sàn Thái (2).

- Cầm Cường - sách về văn hóa Thái (3).

- Vi Thiếu An - những bài viết về người Thái ở Nghệ An.

- v.v...

IV. CẦN TIẾP TỤC NHƯ THẾ NÀO?

1. Dân tộc học người Thái rõ ràng là lĩnh vực nghiên cứu khoa học không thể thiếu được trong dân tộc học Việt Nam, cần được tiếp tục phát triển. Đương nhiên, nó vẫn thiếu kinh phí và khó được tổ chức theo biên chế. Tác phẩm khoa học về dân tộc này hay dân tộc khác, xưa nay thường xuất hiện nhờ sở trường của một cá nhân hoặc một tập thể các nhà khoa học. Từ thực tế ấy, Viện Dân tộc học xét nên luôn giữ vai trò "bà đỡ" để cho công trình dân tộc học người Thái trong và ngoài Viện tiếp tục được ra mắt bạn đọc.

2. Những tác phẩm dân tộc học người Thái trong thời gian qua mới tập trung chú ý vào khu vực Tây Bắc Việt Nam. Còn bộ phận người Thái quan trọng ở Thanh Hóa, Nghệ An thì chưa có mấy nhà khoa học dấn thân. Vậy trong những năm trước mắt, nên tập trung vào khu vực này trước hết, để có một tập miêu tả dân tộc học, sau đó là những chuyên khảo.

3. Tôi nghĩ rằng, trong những năm tới cần có một chuyên khảo về đời sống tinh thần của dân tộc Thái. Có lẽ đây không chỉ do khoa học đòi hỏi mà còn yêu cầu từ phía thực tiễn nữa./.

(1) Lê Ngọc Thăng *Nghệ thuật trang phục Thái*. Nxb Văn hóa dân tộc - Trung tâm văn hóa Việt Nam, H 1990.

(2) Hoàng Nam. *Lê Ngọc Thăng Nhà sàn Thái*, Nxb Văn Hóa, H, 1984.

(3) Cầm Cường *Tim hiểu văn hóa dân tộc Thái ở Việt Nam*, Nxb KHXH, H, 1993.

DÂN TỘC HỌC VỚI VẤN ĐỀ NƯƠNG RỖY

NGUYỄN ANH NGỌC

RỪNG là một nhân tố cực kỳ quan trọng trong hệ thống kinh tế, sinh thái nhất là đối với những quốc gia có diện tích đồi núi lớn như nước ta (tam sơn, tứ hải, nhất phần điền). Thế nhưng, trong những thập kỷ gần đây nạn phá rừng ngày càng trở nên khốc liệt, ở nước ta theo số liệu thống kê năm 1943 có khoảng 48% diện tích đất được rừng che phủ, thì đến năm 1983 giảm xuống còn 24% (1). Mức mất rừng được đánh giá khoảng 2000.000 ha/năm, và dự báo với tình trạng mất rừng như vậy thì đầu thế kỷ 21 Việt Nam sẽ không còn rừng (2). Theo tính toán của nhiều nhà khoa học thì 25% diện tích rừng mất là do nền nông nghiệp canh tác không có kế hoạch gây nên (chủ yếu là nương rẫy), 25% do các vụ cháy rừng (cũng chủ yếu do đốt rẫy gây nên) và phần còn lại là hậu quả của việc khai thác gỗ và củi đun bữa bãi (3). Mất rừng kéo theo sự suy thoái về đất trồng, mất nước dự trữ, lắng đọng phù sa, lũ lụt v.v... và cạn kiệt các nguồn lâm thổ sản và chim thú hoang dã.

Để ngăn ngừa nạn phá rừng bữa bãi, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và tổ chức lại sản xuất cho đồng bào các dân tộc làm rẫy du canh du cư nghèo khó. Nhà nước đã kịp thời phát động phong trào định canh định cư

(1) Lê Trọng Cúc *Thực tiễn nông nghiệp ở Việt Nam*. Báo Lao động số 8, 1988 Trung tâm Đông Tây. Hônôlulu.

(2) Nông Bích Thủy *Thực trạng môi trường và dân số ở nước ta hiện nay*. T.C Dân tộc và thời đại số 1.1993. Theo tác giả này thì độ che phủ rừng ở Việt Nam năm 1943 là 60%, năm 1987 là 30%.

(3) Ủy ban về sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên và hợp tác bảo vệ môi trường với Hội quốc tế bảo vệ tự nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên. 1955, *Chiến lược bảo vệ quốc gia*, Niu Đêli.

đánh dấu bằng Nghị quyết 38 CP năm 1968. Và tư tưởng này thực ra đã được thể hiện ngay từ Nghị quyết 71 NQ-TW của Bộ Chính trị về vấn đề phát triển nông nghiệp miền núi. Từ bấy đến nay đã ngót một phần ba (1/3) thế kỷ, nhưng vấn đề du canh du cư vẫn còn hết sức trầm trọng. Cả nước ta còn khoảng 1 triệu người sống du canh du cư. Riêng ở khu vực miền núi phía Bắc còn bao gồm 47 huyện, 358 xã, 72.571 hộ với 494.251 khẩu chiếm 45,92% số hộ và 50,6% số nhân khẩu trong diện còn phải vận động định canh định cư của toàn quốc (1). Đặc biệt nghiêm trọng là ở các dân tộc sống ở vùng cao và vùng giữa có nguồn sống cơ bản dựa vào nương rẫy như phần lớn các dân tộc nói ngôn ngữ Mèo- Dao, Môn - Khơme và Tạng - Miến. Người H'mông có trên 50 vạn dân thì còn 30 vạn đang trong tình trạng du canh du cư. Tình trạng du canh du cư cũng đang là vấn đề rất trầm trọng ở các nước vùng nhiệt đới thuộc châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh. Riêng khu vực châu Á - Thái Bình Dương đã có khoảng 30 triệu người sống du canh du cư trên khoảng 75 triệu ha rừng (2). Vì vậy, vấn đề nương rẫy đã và đang được giới khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Đứng trước thực tế đó Dân tộc học nên tiếp cận nghiên cứu vấn đề này ra sao?

Nương rẫy, có thể hiểu là đất trồng trọt ở miền rừng núi, có được bằng cách phá rừng, đốt cây rồi trồng tía. Địa thế nương rẫy thường là dốc, ít dùng được cày bừa. Thường có hàng rào chống thú rừng phá hoại, nhưng không có bờ giữ nước nên ở nương rẫy chỉ có thể trồng khô (những cây cần ít nước). Do dốc nên nương rẫy dễ bị sỏi mòn, bạc màu vì thế rất khó có điều kiện canh tác lâu năm. Với một đối tượng sản xuất khó khăn như vậy, cư dân làm nương rẫy đã bao đời vật lộn với nó để có hạt gạo, bắp ngô, củ sắn, củ khoai mà sống. Họ đã thực

sự sáng tạo ra cả một hệ thống kinh tế - kỹ thuật nông nghiệp nương rẫy mà ở đó mỗi mắt xích của hệ thống (trồng trọt, chăn nuôi, thủ công, săn bắn, hái lượm, chế biến và trao đổi sản phẩm v.v...) đều có liên quan với nhau rất chặt chẽ, hỗ trợ cho nhau và cùng chịu sự chi phối của lực hướng tâm là trồng trọt nương rẫy. Trên nền tảng kinh tế nông nghiệp nương rẫy ấy là xã hội nương rẫy với những cấu trúc làng, tổ chức xã hội, dòng họ, gia đình v.v... ứng hợp với nền kinh tế nông nghiệp nương rẫy cho phép. Cũng trên nền tảng kinh tế - xã hội ấy bao đời nay đồng bào đã sáng tạo ra các sắc thái văn hóa của mình từ nhà cửa, trang phục, ăn uống, phương tiện vận chuyển v.v... đến cuộc sống tâm linh. Ở đây có thể thấy rõ rằng nghiên cứu nương rẫy không chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu cách canh tác những mảnh đất dốc - khô - không bờ mà phải nghiên cứu nó trong cả hệ thống từ hệ thống kinh tế nông nghiệp nương rẫy đến hệ thống văn hóa nông nghiệp nương rẫy (hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cả văn hóa xã hội, văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần). Các tiểu hệ thống này quan hệ hỗ trợ với nhau rất chặt chẽ. Hệ thống kinh tế là nền tảng mà trên đó dựng xây nên hệ thống văn hóa và đến lượt nó hệ thống văn hóa tác động lại hệ thống kinh tế, làm đa dạng hóa tri thức trồng trọt, giữ gìn, bảo lưu tính đa dạng của nông nghiệp nương rẫy mang nhiều sắc thái địa phương và tộc người. Hay nói rộng ra nương rẫy là cả cuộc sống của đồng bào, đầy mâu thuẫn, nhưng vẫn đang tồn tại như một chỉnh thể - hệ thống, có quan hệ chằng chịt với nhau, *muốn nghiên cứu nó phải lần tìm trong từng mắt xích của cả hệ thống. Và đặc biệt phải bắt đầu nghiên cứu và cắt nghĩa từ các mắt xích sản xuất, kinh tế.* Trong Điều văn đọc trước mộ Các Mác, Ăng-ghe-n đã chỉ ra rằng: "Trước hết con người cần phải ăn

(1) Báo cáo tổng kết công tác Định canh định cư 1968 - 1990 Bộ Lâm nghiệp.

(2) Theo tài liệu của FAO, trích theo Dương Thành Mậu: *Một số suy nghĩ về cuộc vận động DCDC*, Tạp chí Dân tộc học số 3-1990.

uống, ở và mặc trước khi có thể lo đến chuyện làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo v.v..., cho nên, việc sản xuất các tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và do đó, mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế của một dân tộc hay một thời đại, đã tạo nên cái cơ sở, trên đó các chế độ nhà nước, các quan điểm pháp luật, nghệ thuật và ngay cả tôn giáo tín ngưỡng của con người đương thời phát triển" (1). Ẩn chứa trong mình nhiều nội dung nghiên cứu rộng như vậy, nương rẫy trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học tự nhiên và xã hội như nông học, lâm học, kinh tế học, dân tộc học, xã hội học, văn hóa học, tâm lý học v.v... mỗi ngành khoa học đều tìm thấy trong đó mảng nghiên cứu thích hợp của mình.

Bấy lâu nay các ngành khoa học nghiên cứu nương rẫy thường ít kết hợp với nhau, ngành nào ngành nấy lo giải quyết mảng công việc của ngành mình một cách độc lập, tách biệt, không ăn nhập với nhau. Các đề tài mà các ngành nông lâm nghiệp bàn đến nhiều là chống sói mòn, thâm canh trên đất dốc, phủ xanh đất trống đồi trọc v.v... Còn các ngành khoa học xã hội đặc biệt là dân tộc học và kinh tế học thường chú ý nghiên cứu các mảng về định canh định cư, phân tích tiềm năng thế mạnh và khả năng giải quyết lương thực của vùng núi v.v... Dân tộc học chú trọng miêu tả việc làm rẫy rút ra các đặc điểm kỹ thuật mang tính địa phương và tộc người. Dân tộc học qua nghiên cứu nương rẫy cũng đã ít nhiều đề cập tới vấn đề lịch sử phát triển nông nghiệp ở Việt Nam. Đặc biệt ở một vài tác giả khi nghiên cứu nương rẫy có lóe lên cái ánh sáng của việc nghiên cứu hệ thống, nhưng cũng còn chưa đầy đủ, mờ nhạt. Trong nghiên cứu nương rẫy, dân tộc học thường đi sâu mô tả cách làm rẫy cổ truyền mà để bỏ qua những cái mới của nông nghiệp hiện đại như kỹ thuật thâm canh tăng vụ, giống mới, nông lâm kết hợp v.v...

Những lĩnh vực đó tưởng chừng như xã hội, nhưng cũng có những khoảng trống mà không một khoa học nào có thể thay thế cho dân tộc học. Đó là nghiên cứu sự tiếp thu tự giác hay là sự chối bỏ cái mới (cái khác lạ) với sinh hoạt và văn hóa truyền thống của tộc người. Có nghĩa là dân tộc học phải nghiên cứu cái gạch nối giữa truyền thống và hiện đại trong sinh hoạt và văn hóa nông nghiệp của tộc người. Suy đến cùng, bản chất của nền kinh tế nông nghiệp nương rẫy là tính tự nhiên và tự cấp tự túc, khi bước vào thời kỳ đổi mới và mở cửa phải chuyển đổi sang kinh tế hàng hóa là cả một vấn đề lớn đối với đồng bào các dân tộc. Dân tộc học lúc này cần thiết hơn bao giờ hết phải cùng với các khoa học khác có liên quan nghiên cứu về sự chuyển hóa này, giúp đồng bào chuyển hóa một cách tự nhiên, hòa nhập chung trong sự phát triển đi lên của cả nước.

Tóm lại nương rẫy là một đối tượng sản xuất khá phức tạp, hàng nghìn đời nay vật lộn với nó, đồng bào đã sáng tạo ra hệ thống kinh tế nông nghiệp nương rẫy và hệ thống văn hóa nông nghiệp nương rẫy. Toàn bộ hai hệ thống ấy làm thành *một chỉnh thể - hệ thống kỹ thuật - kinh tế - văn hóa nông nghiệp nương rẫy*. Muốn nghiên cứu chuyển đổi nó (từ du canh du cư sang định canh định cư) buộc lòng các nhà khoa học và các nhà hoạt động thực tiễn muốn hay không muốn đều *phải nghiên cứu và sử lý nó một cách hệ thống với sự kết hợp liên ngành khoa học*. Dân tộc học vốn có may mắn là một khoa học về con người - về tộc người phải có sứ mệnh và cũng rất có duyên trong việc tập hợp lực lượng liên - đa ngành khoa học để nghiên cứu nó.

(1) Các Mác - F.Ăng-ghen: Tuyển tập II, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 264.